

Bản án số: 204/2024/DS -ST
Ngày: 22-7-2024
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài
sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Nhân

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Phạm Thị Kim Hoàng

2/ Bà Nguyễn Thị Lưu Ly

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Quý – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Anh Đào – Kiểm sát viên

Ngày 22 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 220/2024/TLST-DS ngày 04 tháng 6 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 150/2024/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S

Địa chỉ trụ sở: 266-268 đường N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là: Ông Trần Gia T, sinh năm: 1971; địa chỉ cư trú: 862/123 đường L, phường O, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ liên lạc: 278 đường N (lầu 5), phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (theo văn bản ủy quyền số 3090/2024/UQ-TGD ngày 07/5/2024) (có mặt).

- Bị đơn: Bà Trương N – Sinh năm: 1959; Địa chỉ: 19/6 đường L, Phường B, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 06/4/2023, bản tự khai và tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (sau đây viết là Ngân hàng) do ông Trần Gia T là người đại diện hợp pháp trình bày:

Do có nhu cầu vay vốn, bà Trương N có ký hai hợp đồng vay vốn với Ngân hàng Thương mại cổ phần S cụ thể như sau:

1/ Đối với khoản vay thẻ tín dụng:

Ngày 05/05/2009, bà N có ký với Ngân hàng Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng; Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng (các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của bà N, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 54.000.000 đồng, mục đích vay: tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà N đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 345.795.618 đồng.

Từ ngày kích hoạt thẻ bà N đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 406.442.086 đồng (Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Đến hết ngày 22/10/2021 thì bà N ngưng không thanh toán tiền cho Ngân hàng nữa. Do Bà N vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng nên ngày 23/10/2021 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu của bà N sang nợ quá hạn. Sau đó thì bà N có thanh toán tiếp cho Ngân hàng được thêm 7.000.000 đồng tiền vốn.

Tạm tính đến ngày 22/7/2024 Bà N còn nợ Ngân hàng nợ gốc là 55.402.493 đồng và lãi quá hạn: 69,443,926 đồng. Tổng cộng là: 124,846,419 đồng (Một trăm hai mươi bốn triệu, tám trăm bốn mươi sáu nghìn, bốn trăm mười chín đồng)

2/ Đối với khoản vay tín dụng tiêu dùng:

Ngày 12/10/2019, Ngân hàng TMCP S - Chi nhánh B có cho bà Trương N vay số tiền 50.000.000 đồng, thời hạn vay là 36 tháng tính từ ngày 12/10/2019 theo hợp đồng cho vay kèm giấy nhận nợ số 201912024708. Lãi suất cho vay là 15%/năm và chỉ áp dụng cho lần giải ngân đầu tiên. Các lần giải ngân sau (nếu có) lãi suất được xác định theo thỏa thuận của các bên tại thời điểm giải ngân phù hợp với quy định của pháp luật và được ghi cụ thể trên từng Giấy nhận nợ. Sau khi ký hợp đồng thì Ngân hàng đã giải ngân số tiền 50.000.000 đồng cho bà N bằng hình thức chuyển khoản vào số tài khoản 060001246960 do bà Ngọc là chủ tài khoản tại Ngân hàng TMCP S - Chi nhánh B .

Sau khi vay tiền thì bà N đã thanh toán cho Ngân hàng tiền vốn 27.760.000 đồng và lãi là 12.500.000 đồng. Từ ngày 12/7/2021 đến nay thì bà N ngưng không thanh toán tiền vốn và tiền lãi cho Ngân hàng. Do bà N vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn. Tạm tính đến ngày 22/7/2024, bà N còn nợ Ngân hàng số tiền vốn là: 22.240.000đ (Hai mươi hai triệu hai trăm bốn mươi ngàn đồng), tiền lãi là 25.049.632 đồng. Tổng cộng tiền vốn và lãi là: 47.289.632đ (Bốn mươi bảy triệu hai trăm tám mươi chín ngàn sáu trăm ba mươi hai đồng).

Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, yêu cầu khách hàng có trách nhiệm thanh toán ngay các khoản nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng cũng đã tạo điều kiện về mặt thời gian để khách hàng trả nợ, tuy nhiên Bà N vẫn chưa thanh toán các khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã qui định tại hợp đồng tín dụng đã ký.

Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà Trương N chịu trách nhiệm cá nhân thanh toán cho Ngân hàng hai khoản vay trên với tổng số tiền tạm tính đến ngày 22/7/2024 là 172.136.051 đồng (Một trăm bảy mươi hai triệu, một trăm ba mươi sáu nghìn, không trăm năm mươi một đồng) ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, trong đó:

+ Nợ khoản vay thẻ tín dụng tạm tính đến ngày 22/7/2024 với tiền vốn và lãi là: 124.846.419 đồng (Một trăm hai mươi bốn triệu, tám trăm bốn mươi sáu nghìn, bốn trăm mười chín đồng)

+ Nợ khoản vay tín dụng tiêu dùng tạm tính đến ngày 22/7/2024 với số tiền vốn và tiền lãi là: 47.289.632đ (Bốn mươi bảy triệu, hai trăm tám mươi chín nghìn, sáu trăm ba mươi hai đồng)

Ngoài ra Bà Trương N còn phải chịu lãi phát sinh kể từ ngày 23/07/2024 đối với Khoản vay tín dụng tiêu dùng và Khoản vay thẻ tín dụng cho đến khi trả dứt nợ theo mức lãi suất quy định tại Hợp đồng.

- *Bị đơn bà Trương N trình bày:*

Bà xác nhận là ngày 05/5/2009 bà có ký Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng; Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng với Ngân hàng Thương mại Cổ phần S. Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng cho bà với hạn mức sử dụng là 54.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 345.795.618 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, bà cũng có thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ gốc và lãi là 406.442.086 đồng. Sau đó do dịch Covid kéo dài nên bà không có khả năng thanh toán nợ Ngân hàng. Bà xác nhận là tạm tính đến ngày 22/7/2024, bà còn nợ Ngân hàng nợ gốc là 55.402.493 đồng và lãi quá hạn: 69.443.926 đồng. Tổng cộng là: 124.846.419 đồng (Một trăm hai mươi bốn triệu, tám trăm bốn mươi sáu nghìn, bốn trăm mười chín đồng)

Ngoài ra, vào ngày 12/10/2019, bà có ký hợp đồng tín dụng vay vốn tại Ngân hàng TMCP S - Chi nhánh B vay số tiền là 50.000.000 đồng, thời hạn vay là 36 tháng tính từ ngày 12/10/2019 theo hợp đồng cho vay kèm giấy nhận nợ số 201912024708, lãi suất cho vay là 15%/năm. Sau khi ký hợp đồng thì Ngân hàng đã giải ngân số tiền 50.000.000 đồng cho bà bằng hình thức chuyển khoản vào số tài khoản 060001246960 do bà là chủ tài khoản tại Ngân hàng TMCP S - Chi nhánh B.

Từ khi vay đến nay thì bà đã thanh toán cho Ngân hàng tiền vốn 27.760.000 đồng và lãi là 12.500.000 đồng. Do dịch Covid nên bà từ ngày 12/7/2021 bà không thanh toán tiền vốn và tiền lãi cho Ngân hàng nữa.

Tính đến ngày 22/7/2024 bà còn nợ Ngân hàng số tiền vốn là: 22.240.000đ (Hai mươi hai triệu hai trăm bốn mươi ngàn đồng), tiền lãi là 25.049.632 đồng. Tổng cộng tiền vốn và lãi là: 47.289.632đ (Bốn mươi bảy triệu hai trăm tám mươi chín ngàn sáu trăm ba mươi hai đồng).

Nay bà xác nhận tính đến ngày 22/7/2024 thì bà nợ Ngân hàng Thương mại Cổ phần S tổng số tiền vốn và lãi của cả hai khoản vay nêu trên là: 172.136.051 đồng (Một trăm bảy mươi hai triệu, một trăm ba mươi sáu nghìn, không trăm năm mươi một đồng). Hiện nay bà đang gặp khó khăn về tài chính nên bà chỉ có khả năng thanh toán cho Ngân hàng mỗi tháng 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và của Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã đảm bảo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng các quy định tại Điều 70,71,72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc đưa vụ án ra xét xử đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà Trương N phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 22/7/2024 là 172.136.051 đồng và tiền lãi phát sinh sau ngày 22/7/2024 theo thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 05/5/2019 và Hợp đồng cho vay kèm giấy nhận nợ số 201912024708 ngày 12/10/2019.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định. Tuy nhiên, bà N là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên được miễn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng và thẩm quyền giải quyết:

Ngân hàng Thương mại cổ phần phần S khởi kiện yêu cầu bà Trương N phải thanh toán tiền gốc và tiền lãi phát sinh đối với khoản vay từ việc sử dụng thẻ tín dụng theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 05/05/2009 và hợp đồng cho vay kèm giấy nhận nợ số 201912024708 ngày 12/10/2019. Đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 6 theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Đối với hợp đồng vay sử dụng thẻ tín dụng

Vào ngày 05/5/2009, Ngân hàng Thương mại cổ phần S và bà Trương N có ký kết hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng), Ngân hàng đã phê duyệt hạn mức tín dụng cho bà N là 54.000.000 đồng. Theo chứng cứ mà Ngân hàng cung cấp thì từ khi kích hoạt sử dụng thẻ tín dụng bà N đã thực hiện giao dịch với số tiền là: 345.795.618 đồng và đã thanh toán cho

Ngân hàng số tiền là 406.442.086 đồng. Đến ngày 22/10/2021 thì bà N vi phạm nghĩa vụ thanh toán, Ngân hàng đã nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà N vẫn không trả nợ. Do bà N vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại Điều 2 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng nên ngày 23/10/2021 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn theo quy định tại Điều 23 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà Trương N phải thanh toán nợ gốc là 55.402.493 đồng và lãi quá hạn: 69.443.926 đồng. Tổng cộng là: 124.846.419 đồng (Một trăm hai mươi bốn triệu, tám trăm bốn mươi sáu nghìn, bốn trăm mười chín đồng) là có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Đối với hợp đồng vay của khoản vay tín dụng tiêu dùng

Vào ngày 12/10/2019 Bà Trương N và Ngân hàng TMCP S đã ký kết hợp đồng cho vay kèm giấy nhận nợ, số tiền cho vay là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng), mục đích vay tiêu dùng, thời hạn cho vay là 36 tháng. Sau khi ký hợp đồng tín dụng thì Ngân hàng đã giải ngân số tiền vay là 50.000.000 đồng vào tài khoản của bà N được mở tại Ngân hàng TMCP S. Ông Trần Gia T là người đại diện hợp pháp cho Ngân hàng TMCP S và bà Trương N xác nhận trong quá trình thực hiện hợp đồng thì bà N đã trả được tiền vốn 27.760.000 đồng và lãi là 12.500.000 đồng. Tính đến ngày 22/7/2024 thì bà N còn nợ tiền vốn là: 22.240.000đ (Hai mươi hai triệu hai trăm bốn mươi ngàn đồng), tiền lãi là 25.049.632 đồng. Tổng cộng tiền vốn và lãi là: 47.289.632đ (Bốn mươi bảy triệu hai trăm tám mươi chín ngàn sáu trăm ba mươi hai đồng).

Do bà N vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà N phải trả số tiền vốn và tiền lãi là: 47.289.632đ (Bốn mươi bảy triệu hai trăm tám mươi chín ngàn sáu trăm ba mươi hai đồng) là có cơ sở chấp nhận.

Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử buộc bà Trương N chịu trách nhiệm cá nhân trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S tổng số tiền của cả hai hợp đồng vay là: 172.136.051 đồng (Bằng chữ: Một trăm bảy mươi hai triệu, một trăm ba mươi sáu nghìn, không trăm năm mươi một đồng) trong đó:

- Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng với tiền vốn và tiền lãi là: 124.846.419 đồng (Một trăm hai mươi bốn triệu, tám trăm bốn mươi sáu nghìn, bốn trăm mười chín đồng)

- Hợp đồng vay tín dụng tiêu dùng với số tiền vốn và tiền lãi là: 47.289.632đ (Bốn mươi bảy triệu, hai trăm tám mươi chín nghìn, sáu trăm ba mươi hai đồng)

[2.3] Về thời hạn thanh toán: Tại phiên tòa hôm nay bà N xin được trả mỗi tháng là 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ nhưng không được Ngân hàng TMCP S chấp nhận. Vì vậy, buộc bà Trương N có trách nhiệm thanh toán toàn bộ số tiền vốn và tiền lãi của hai khoản vay nêu trên với số tiền là: 172.136.051 đồng (Bằng chữ: Một trăm bảy mươi hai triệu, một trăm ba mươi sáu nghìn, không trăm năm mươi một đồng) cho Ngân hàng TMCP S kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

[3] Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là: 8.606.803đ (Tám triệu sáu trăm lẻ sáu triệu tám trăm lẻ ba ngàn đồng) do bà Trương N nộp. Tuy nhiên, do bà Trương N là người cao tuổi và bà N đã có đơn xin miễn nộp tiền án phí. Vì vậy, căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên Hội đồng xét xử miễn toàn bộ án phí cho bà Trương N.

Ngân hàng Thương mại cổ phần S không phải nộp án phí, trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 4.121.746đ (Bốn triệu một trăm hai mươi một ngàn bảy trăm bốn mươi sáu đồng)

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự 2015; Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng; Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của Tổ chức tín dụng, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S:

1/ Buộc bà Trương N chịu trách nhiệm cá nhân thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền vốn và tiền lãi của khoản vay theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 05/5/2009, Bản điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S và hợp đồng cho vay kèm giấy nhận nợ số 201912024708 ngày 12/10/2019 với tổng số tiền là: 172.136.051 đồng (Một trăm bảy mươi hai triệu một trăm ba mươi sáu ngàn không trăm năm mươi một đồng) trong đó:

- Hợp đồng vay theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 05/5/2009 tiền vốn là 55.402.493 đồng và lãi quá hạn: 69.443.926 đồng. Tổng cộng là: 124.846.419 đồng (Một trăm hai mươi bốn triệu tám trăm bốn mươi sáu ngàn bốn trăm mười chín đồng)

- Hợp đồng cho vay kèm giấy nhận nợ số 201912024708 ngày 12/10/2019

số tiền vốn là: 22.240.000đ (Hai mươi hai triệu hai trăm bốn mươi ngàn đồng), tiền lãi là 25.049.632 đồng. Tổng cộng tiền vốn và lãi là: 47.289.632đ (Bốn mươi bảy triệu hai trăm tám mươi chín ngàn sáu trăm ba mươi hai đồng).

2/ Thời hạn thanh toán: thanh toán kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật .

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

3/Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Trương N được miễn nộp tiền án phí

- Ngân hàng Thương mại cổ phần S không phải nộp án phí, trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 4.121.746đ (Bốn triệu một trăm hai mươi một ngàn bảy trăm bốn mươi sáu đồng) theo biên lai thu số 0010009 ngày 04/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6.

4/Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

5/ Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a,7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 6
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Thị Thanh Nhân